

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+CLO+MRM	7:25	1+16+1	0+0+0		0+18+0	0+0+0	
2		TD1+BK15+TD3	9:25	16+1+5	0+0+0		16+3+0	0+0+0	
3		P8+BK5+BK6+P10	11:25	8+0+0+8	0+0+0+0		1+1+0+0	0+0+0+0	chuyen6 bk5-bk6 ; 4 bk5-p10

TTPDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P5 - CLO - MRM	CREW: VThắng - CHIÊN - QTrưởng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN DUC	P5	32	1	9		76	XAYLAP	Vietnamese
2	LUONG NGOC KHUONG	CLO	47-48	2	11		77	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM TAT LUC	CLO	45-46	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	44	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN VAN DINH	CLO	53-54	2	7		64	KHOAN	Vietnamese
6	LE MINH HIEP	CLO	62	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN THANH	CLO	63	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
8	LE HUY TUYEN	CLO	59	1	6	60	57	KHOAN	Vietnamese
9	TO ANH TUAN	CLO	55	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
10	QUACH VAN THAO	CLO	49-50	2	12		72	YTE	Vietnamese
11	PHAM MINH HOANG	CLO	61	1	10		97	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM DINH THU	CLO	52	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN THANH TAM	CLO	51	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN CONG BANG	CLO	56-57	2	14		79	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN DANG KHOA	CLO	58	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN DOAN SUU	CLO	60	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HAI LAM	MRM	68	1	11		68	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	1	1	9	76	0	0		
2	CLO	15	20	126	1.106	60	18		
3	MRM	1	1	11	68	0	0		
TOTAL		17	22	146	1.250	60	18		
WEIGHT KG				146	1.250	60			

GRAND TOAL: 1.456 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/02/2023	TO: TD1 - BK15 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - CHIẾN - QTrưởng	ETA: 11:30
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TUYỀN	TD1	60-61	2	8		60	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC QUANG	TD1	52	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	ĐO QUANG LỤC	TD1	56	1	5	70	65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN DUNG	TD1	47-49	3	15		65	KHOAN	Vietnamese
5	REZNIKOV	TD1	46	1	10		90	AY CΠ	Russian
6	STARZHISKIY	TD1	45	1	5		90	AY CΠ	Russian
7	VŨ QUÝ VINH	TD1	57	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC THAI	TD1	51	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN DUY TÂN	TD1	58	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THIỆN TUÂN	TD1	55	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
11	LẠI ĐỨC-LAM	TD1	53	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRÌNH HỮU NGHĨA	TD1	59	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO NGỌC SƠN	TD1	82	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN PHÚ	TD1	50	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VIỆT THANH	TD1	54	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	GILEMKHANOV	TD1	44	1	5		90	KHOAN	Russian
17	VŨ TÀ HOAN	BK15	63-64	2	18	30	70	XAYLAP	Vietnamese
18	VU HUU KE	TD3	96-99	4	19		80	KHOAN	Vietnamese
19	DINH HAI DUONG	TD3	91	1	12	23	75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN KHAC THINH	TD3	92	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN HUNG CUONG	TD3	93	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN SY ANH TU	TD3	95	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	16	19	102	1.172	70	16		
2	BK15	1	2	18	70	30	3		
3	TD3	5	8	56	365	23	0		
TOTAL		22	29	176	1.607	123	19		
WEIGHT KG				176	1.607	123			

GRAND TOAL: 1.906 KGS

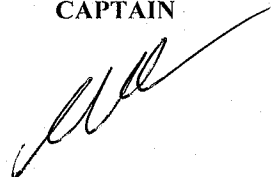
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 03	TO: P8 - BK5 - BK6 - P10	CREW: Hạnh - N.ANH - DTùng	ETA: 14:00
NAU - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG VĂN TUYỀN	P8	81	1	20	44	95	XAYLAP	Vietnamese
2	TRƯỜNG THÈ HUY	P8	86-87	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	P8	82-83	2	20		56	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM QUANG CHUNG	P8	78-79	2	20		53	XAYLAP	Vietnamese
5	VI THAI	P8	76	1	20	13	64	XAYLAP	Vietnamese
6	PHƯƠNG THÈ TRUNG	P8	80	1	20		74	XAYLAP	Vietnamese
7	TRÌNH THANH GIANG	P8	77	1	20		71	XAYLAP	Vietnamese
8	TRÌNH ĐÌNH THANH	P8	84-85	2	20		52	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN TUẤN ANH	P10	24-25	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRƯỜNG TÂN LỢI	P10	23	1	17		74	XAYLAP	Vietnamese
11	VŨ QUỐC VƯƠNG	P10	21-22	2	14		77	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG NGỌC HOAI	P10	32	1	15	35	64	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG THANH SƠN	P10	27-28	2	18		69	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN NGỌC TUẤN ANH	P10	31	1	15		82	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN KHANH HÙNG	P10	29-30	2	11		72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU TRƯỞNG	P10	26	1	13		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	8	12	160	527	57	1		CHUYEN 6 PAX BK5-BK6, CHUYEN 4 PAX BK5-P10
2	BK5	0	0	0	0	25	1	10	
3	BK6	0	0	0	0	35	0		
4	P10	8	12	118	578	35	0		
TOTAL		16	24	278	1.105	152	2		
WEIGHT KG				278	1.105	152			

GRAND TOAL: 1.535 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN